

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 280/2022/DS-PT

Ngày 16-12-2022

V/v tranh chấp về thừa kế
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Tài

Các thẩm phán:

Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

Bà Ngô Thị Bích Diệp

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Bà Ngô Kim Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2022/TLPT-DS ngày 13 tháng 10 năm 2022, về việc: “tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2022/DS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 285/2022/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đào Minh T, sinh năm 1959; địa chỉ: khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1986; địa chỉ: số 32/1P, Phạm Văn C, Phường 9, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: số 871A Trần Hưng Đ, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (giấy ủy quyền ngày 19/4/2021); có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đào Minh S, sinh năm 1963; địa chỉ: khu phố P1, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đào Hữu T1, sinh năm 1961; địa chỉ: khu phố P1, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị S1, sinh năm 1971; địa chỉ: khu phố P1, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

3. Văn phòng Công chứng S; địa chỉ: số 1459, Đại lộ Bình Dương, khu phố 4, phường H1, thành phố Th, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bùi Thái G – Trưởng văn phòng; có đơn yêu cầu vắng mặt.

4. Bà Đào Thị Hồng S1, sinh năm 1996, ông Đào Minh S2, sinh năm 1999, ông Đào Minh X, sinh năm 2001; cùng địa chỉ: khu phố P1, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Đào Minh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ huyết thống, ông Đào Minh T có cha là cụ Đào Văn D (sinh năm 1927, chết năm 2007) và mẹ là cụ Nguyễn Thị Đ (sinh năm 1935, chết năm 2017), ông T và bà Diệu có 3 người con chung là Đào Minh T, Đào Hữu T1 và Đào Minh S. Ngoài ra, cụ D và cụ Đ không có người con riêng hay con nuôi nào. Cha mẹ của cụ D, cụ Đ đã chết từ lâu, không xác định được ngày tháng năm.

Tài sản tranh chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 5.464m² thuộc thửa số 15, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Nguồn gốc do ông T và cụ D khai phá từ năm 1976, được Ủy ban nhân dân huyện B (nay là thị xã B) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00696 ngày 18/02/2000 cho hộ cụ Đào Văn D.

Năm 1998, cụ D, cụ Đ và ông S trồng cao su trên đất. Ban đầu cụ Đ là người khai thác mủ đến khi cụ Đ bệnh thì giao lại cho ông S. Sau khi cụ Đ mất thì ông S ngưng thu hoạch mủ cho đến nay.

Cụ D và cụ Đ chết không để lại di chúc. Đến khi xảy ra tranh chấp, ông T mới biết có “Tờ di chúc” lập vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 13/7/2005. Tờ di chúc này do ông S cung cấp, ông T hoàn toàn không biết và cũng không có ký tên.

Trước đây, do đất tranh chấp chưa được tách thửa nên ông T, ông S và ông T1 thỏa thuận giao cho ông S làm thủ tục nhận di sản thừa kế, khi nào Nhà nước cho phép tách thửa thì ông S sẽ làm thủ tục chia đất. Ngày 17/8/2017, tại Văn phòng Công chứng S cả ba cùng ký “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản”, theo đó, ông T và ông T1 đồng ý tặng toàn bộ phần đất được hưởng cho ông S. Nội dung này là giả tạo còn thỏa thuận thực tế là một nửa diện tích đất tranh chấp sẽ cho ông S, phần còn lại sẽ chia đều cho 03 anh em. Vì thỏa thuận không được lập thành văn bản và để tránh trường hợp ông S không thừa nhận nên tại Văn phòng Công chứng S, ông T1 có quay 01 video chứng minh ông S đã thừa nhận thỏa thuận như trên, sau khi quay video xong mới cùng nhau ký vào “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản”.

Sau khi ký xong, vào ngày 27/9/2017, ông S đi làm thủ tục và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK829081 (số vào sổ CS09249) cho ông S đứng tên. Sau khi được

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông T yêu cầu ông S chia lại đất nhưng ông S nhiều lần hứa hẹn và không đồng ý chia nữa. Hai bên xảy ra tranh chấp nên kiện ra Tòa.

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 17/7/2020, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

+ Hủy “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản” giữa ông T, ông T1, ông S tại Văn phòng Công chứng S, số công chứng 011270, quyển số 8 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/8/2017.

+ Chia thửa đất tranh chấp thành 03 phần bằng nhau, ông T được hưởng diện tích đất khoảng 1.821m².

Ngày 20/5/2022, ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau:

+ Hủy “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản” giữa ông T, ông T1, ông S tại Văn phòng Công chứng S ngày 17/8/2017.

+ Chia thửa đất tranh chấp như sau: Một nửa diện tích thửa đất giao cho ông S tiếp tục quản lý, sử dụng, phần còn lại chia thành 03 phần bằng nhau cho 03 người là Đào Minh T, Đào Hữu T1 và Đào Minh S. Ông T yêu cầu được nhận bằng hiện vật. Đối với phần đất chia cho ông T1, ông T1 sẽ tặng lại cho ông T.

Đối với cây cao su trên đất, ông T không tranh chấp, trường hợp phần đất ông T được chia có cây cao su thì ông T hoàn lại cho ông S giá trị cây cao su theo giá Hội đồng định giá đã định.

Bị đơn ông Đào Minh S trình bày:

Về quan hệ huyết thống ông S thống nhất với lời trình bày của ông Đào Minh T.

Về nguồn gốc đất tranh chấp: Đất là của cha mẹ là cụ D và cụ Đ khai phá từ năm 1976, ngày 18/02/2000 được Ủy ban nhân dân huyện B (nay là thị xã B) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00696 cho hộ cụ Đào Văn D.

Cụ D và cụ Đ chết có để lại di chúc, được lập ngày 13/7/2005, khi lập có mặt cụ D, cụ Đ, ông T, ông T1, ông S và hai người chứng kiến là bà Nguyễn Thị Tr1 và đại diện khu phố là ông Võ Văn H. Tờ di chúc thể hiện phần đất tranh chấp ông D và bà Đ đang sử dụng, sau khi qua đời thì chia cho Đào Minh S một nửa, nửa còn lại cho Đào Hữu T2 là con trai của ông Đào Minh S.

Ngày 04/01/2008, ông S, cụ Đ, ông T, ông T1 và cháu T2 cùng nhau ký “văn bản thỏa thuận phân chia di sản” đồng thời cũng ký vào “văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế”, có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã H, theo đó, bà Diệu, ông T, ông T1 và cháu T2 thống nhất giao thửa đất tranh chấp cho ông S toàn quyền đứng tên và quản lý sử dụng.

Khi ông S đi làm thủ tục đối với thửa đất tranh chấp thì đất quy hoạch, Nhà nước không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2011, cháu T2 bị tai nạn chết nên không thể sử dụng Tờ di chúc để xin cấp giấy chứng nhận

mà phải có “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản” giữa ông S, ông T và ông T1. Ngày 17/8/2017, ông T và ông T1 tự nguyện ra Văn phòng Công chứng S ký văn bản tặng toàn bộ quyền sử dụng đất được hưởng cho ông S để ông S làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất tranh chấp. Ngày 27/9/2017, ông S được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK829081 vào sổ cấp GCN CS09249.

Tại Văn phòng Công chứng S, ông S hoàn toàn không có hứa với ông T và ông T1 về việc sẽ chia đất lại cho cả hai, ông S có thấy ông T1 quay video, tuy nhiên video này do ông T1 tự lấy điện thoại quay, đòi chia phần của Đào Hữu T2 làm 03 phần thì ông S có nói “chia thì chia” chứ không nói chia làm mấy phần. Ông S chỉ nói bằng lời, không có giấy trắng mực đen của pháp luật thể hiện sự đồng ý của ông S.

Đối với cao su trên đất do ông S và vợ là bà Nguyễn Thị S1 trồng từ năm 1995. Khi đến thời điểm thu hoạch thì cụ D và cụ Đ khai thác mủ, sau khi cụ D mất, cụ Đ giao lại ông S ½ số cao su để ông S tự khai thác, lấy tiền nuôi con. Từ năm 2014 đến nay do ông S bị bệnh nên bỏ, không thu hoạch cao su nữa.

Ông S không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T. Đất tranh chấp cha mẹ đã di chúc cho ông S và con trai là Đào Hữu Tồn. Sau khi cháu T2 mất thì phần đất này thuộc quyền sử dụng của ông S, ông S đã được cấp giấy chứng nhận đúng theo quy định pháp luật, ông S cũng không có hứa sẽ chia lại đất cho ông T1 và ông T. Video ông T và ông T1 cung cấp là tự phát, không có ai làm chứng việc này nên không có giá trị pháp lý. Ba tài liệu chứng cứ quan trọng đề nghị Tòa án xem xét để giải quyết là:

+ Tờ di chúc ngày 13/7/2005, di chúc có đầy đủ chữ ký của cụ D, cụ Đ và những người chứng kiến là Nguyễn Thị Tr1, Võ Văn H, Đào Minh T, Đào Hữu T1 và Đào Minh S.

+ Văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế ngày 04/01/2008 có chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là phường H), thị xã B, tỉnh Bình Dương.

+ “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản” tại Văn phòng Công chứng S, số công chứng 011270, quyền số 8 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/8/2017.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Hữu T1 trình bày:

Về quan hệ huyết thống và nguồn gốc đất tranh chấp ông T1 thống nhất với lời trình bày của ông T.

Cụ D và cụ Đ chết có để lại “Tờ di chúc” lập ngày 13/7/2005, di chúc lập tại nhà ông T1 (nhà ông T1 sát vách nhà cụ D và cụ Đ), khi lập di chúc có ông T1, cụ Đ, bà dì Nguyễn Thị Tr1 cùng lập và ký tên, sau đó ông Võ Văn H qua xem và ký tên làm chứng. Cụ D và ông S xem và ký tên sau. Ông T có ký tên không ông T1 không nhớ.

Tờ di chúc này thể hiện cụ D và cụ Đ cho ông S phần đất đang tranh chấp một nửa, phần còn lại cho con riêng của ông S là Đào Hữu T2.

Năm 2011, cháu T2 chết nên ông S không thể làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi đó, ông T, ông T1 và ông S mới thỏa thuận phân chia phần của cháu T2. Do ông S đồng ý với thỏa thuận trên nên ngày 17/8/2017, tại Văn phòng Công chứng S, ông T1, ông T và ông S cùng ký “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản”. Tuy nhiên, nội dung thỏa thuận là giả tạo chỉ để hợp thức hóa cho ông S đi làm giấy tờ, còn thực tế là ½ diện tích tranh chấp sẽ chia cho ông S, phần còn lại sẽ chia đều cho 03 anh em T, T3 và S. Do thỏa thuận này không được lập thành văn bản và để tránh trường hợp ông S không thừa nhận thì tại Văn phòng Công chứng S, ông T1 đã quay video để làm chứng cứ, sau khi quay video xong mới cùng ký “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản”.

Ông T1 thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông T là ½ diện tích thửa đất tranh chấp cho ông S, phần còn lại sẽ chia đều cho 03 anh em là T3, T và S. Phần ông T1 được hưởng sẽ tặng cho lại ông T vì ông T là người chăm sóc cụ Đ khi bị bệnh. Đối với cây cao su trên đất ông T1 không tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S1 trình bày:

Bà S1 là vợ của ông Đào Minh S. Bà S1 thống nhất với ý kiến trình bày của ông S và không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị Hồng S1, ông Đào Minh S2 và ông Đào Minh X thống nhất trình bày:

Bà S1, ông S2 và ông X là con ruột của ông S và bà S1. Các ông, bà thống nhất với ý kiến của ông S và không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng S trình bày:

Ngày 17/8/2017, Công chứng viên Văn phòng Công chứng S có chứng nhận “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản” số công chứng 011270, quyền số 08TP/CC-SCC/HĐGD.

Công chứng viên đã tiến hành kiểm tra thành phần hồ sơ yêu cầu công chứng và xét thấy hồ sơ của ông Đào Minh S cung cấp là đầy đủ, hợp pháp nên đã tiếp nhận và tiến hành thụ lý hồ sơ, theo đúng quy định của pháp luật.

Ông Đào Minh T, ông Đào Hữu T1, ông Đào Minh S đã đọc, kiểm tra nội dung “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản”. Sau khi đọc xong, đồng ý với toàn bộ nội dung ghi trong “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản” đã ký và điểm chỉ vào văn bản trước mặt Công chứng viên ngay tại Văn phòng Công chứng S, tỉnh Bình Dương.

Việc Công chứng viên của Văn phòng Công chứng S đã thực hiện công chứng “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản” nêu trên là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Ngoài những nội dung được ghi nhận trong “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản”, Văn phòng Công chứng S không nắm được nội dung nào khác của những người tham gia thỏa thuận phân chia di sản.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2022/DS-ST ngày 05/8/2022 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương đã quyết định như sau:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Minh T đối với bị đơn ông Đào Minh S về việc: “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

1.1. Tuyên bố “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản” số công chứng 011270, quyền số 08TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/8/2017 tại Văn phòng Công chứng S vô hiệu do giả tạo.

1.2. Phân chia di sản thừa kế của ông Đào Văn D và bà Nguyễn Thị Đ thừa đất số 31, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK829081, vào sổ cấp GCN: CS09249 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 27/9/2017 cho ông Đào Minh S đứng tên như sau:

- Ông Đào Minh T được chia: 1.935,2m² (ký hiệu A), trong đó có 67,7m² HLATĐB, tứ cận: Đông giáp đường đất 4m, Tây giáp đường đất 4m, Nam giáp đất ông S được chia (ký hiệu B), Bắc giáp thửa đất số 16.

- Ông Đào Minh S được chia: 967,6m² (ký hiệu B), trong đó có: 33,8m² HLATĐB, tứ cận: Đông giáp đường đất 4m, Tây giáp đường đất 4m, Nam giáp đất ông S được chia (ký hiệu C), Bắc giáp phần ông T được chia (ký hiệu A).

- Ông Đào Minh S được tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất còn lại 2.902,8 m² (ký hiệu C), trong đó có: 101m² HLATĐB, tứ cận: Đông giáp đường đất 4m, Tây giáp đường đất 4m, Nam giáp thửa đất số 19, Bắc giáp phần ông S được chia (ký hiệu B).

Có sơ đồ bản vẽ kèm theo.

2. Ông Đào Minh T có trách nhiệm hoàn lại giá trị cây cao su trên diện tích đất được chia cho ông Đào Minh S tương đương số tiền là: 285.000 đồng/cây x 84 cây = 23.940.000 đồng (hai mươi ba triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK829081, vào sổ cấp GCN CS09249 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 27/9/2017 cho ông Đào Minh S đứng tên.

Đương sự được quyền liên hệ với cơ quan nhà Nước có thẩm quyền để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/8/2022, bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên khởi kiện; bị đơn giữ nguyên kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn ông Đào Minh T khởi kiện ông Đào Minh S tranh chấp yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản và tranh chấp thừa kế tài sản của cha mẹ để lại, chia cho ông T diện tích đất 1.821m², trong diện tích đất 5.464m² thuộc thửa số 15, tờ bản đồ 31, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

[2] Tài liệu, chứng cứ thu thập tại hồ sơ thể hiện năm 1990, cụ Đào Văn D (cụ D là cha của ông T, ông T1 và ông S) kê khai, đăng ký 03 thửa đất, gồm thửa 500, 540 và 1801. Ngày 18/11/1990, Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1180/GCN-SB các thửa đất 500, thửa 540, thửa 1808 tại ấp P1, xã H, thị xã Th cho cụ Đào Văn D (bút lục 149).

Năm 1999, cụ Đào Văn D xin cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất 500 và 540 thành thửa mới 125, tờ bản đồ 37, diện tích 2.039m²; thửa 1808 thành thửa mới 15, tờ bản đồ 31, diện tích 5.464m², đất tọa lạc tại ấp P1, phường H, thị xã Th – Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00696 ngày 18/02/2000 cho hộ cụ Đào Văn D.

Về quan hệ thân nhân của cụ Đào Văn D như sau: cụ D, sinh năm 1927, vợ là cụ Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1935, có các con là ông Đào Minh T, ông Đào Minh T3 và ông Đào Minh S; cha mẹ cụ D, cụ Đ đã chết từ lâu (không rõ thời gian).

Ngày 13 tháng 7 năm 2005, vợ chồng cụ D, cụ Đ lập “Di chúc” chia tài sản cho các con ông T, ông T1, ông S mỗi người một phần đất (*đã nhận khi phân chia*); riêng phần đất cao su 5.464m² (thuộc thửa 15) sau khi cụ D và cụ Đ chết thì chia cho ông S diện tích 2.732m² và chia cho cháu Đào Hữu T2 (con trai ông S) diện tích 2.732m². Di chúc có 02 người làm chứng là bà Nguyễn Thị Tr1 và ông Võ Văn H ký và ghi họ tên; ngoài ra có ông T, ông T1, ông S cùng ký vào di chúc.

Nhận thấy, di chúc do vợ chồng cụ D, cụ Đ lập bằng văn bản (bản viết tay sau đó đánh máy) có hai người làm chứng là đúng quy định tại Điều 634 Bộ luật Dân sự (bút lục 28) và được ông T, ông T1, ông S thừa nhận nên không phải chứng minh.

Ngày 15/01/2007, cụ Đào Văn D chết.

Ngày 04/01/2008, cụ Đ, ông T, ông T1, ông S, cháu T2 thỏa thuận giao cho ông S đứng tên quyền sử dụng thửa đất số 15, diện tích 5.464m² và thửa 125 diện tích còn lại 546m². Sau khi thống nhất cụ Đ, ông T, ông T1, ông S, cháu T2 lập “văn bản phân chia tài sản thừa kế” giao cho ông S toàn bộ thửa đất 15, diện tích 5.464m². Cùng ngày cụ Đ, ông T, ông T1, anh Tôn lập “Văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế” được Ủy ban nhân dân xã H chứng thực. Nhận thấy, việc cụ Đ, ông T, ông T1, ông S, cháu T2 lập “văn bản phân chia tài sản thừa kế” và “văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế” nêu trên là vi phạm pháp luật, thỏa thuận này đã tước bỏ quyền của người lập di chúc (cụ D), khi di chúc chưa được công bố, chưa phát sinh hiệu lực nên không có giá trị pháp lý, được quy định tại Điều 620 và Điều 647 Bộ luật Dân sự. Di chúc ghi rõ khi cụ D và cụ Đ chết thì mới chia thửa đất số 15 cho ông S và cháu T2.

Ngày 15/7/2011, cháu Đào Hữu T2 (con ông S) chết. Cháu T2 không có vợ, không có con; cháu T2 chết trước người lập di chúc là cụ D, cụ Đ. Do đó, phần tài sản chia tại di chúc cho cháu T2 không có người thừa kế thế vị, vì vậy phần tài sản chia cho cháu T2 vẫn là tài sản của cụ D, cụ Đ.

Ngày 06/02/2017, cụ Nguyễn Thị Đ chết.

Ngày 17/8/2017, ông T, ông T1 và ông S tiếp tục lập “văn bản thỏa thuận phân chia di sản” và được Văn phòng Công chứng S, tỉnh Bình Dương chứng nhận. Tại “văn bản thỏa thuận phân chia di sản” này ông T, ông T1, ông S trình bày “*cụ D và cụ Đ chết không lập di chúc*”; đồng thời tại Biên bản lấy lời khai ngày 14/8/2020, ông S trình bày “*Tại văn phòng công chứng S ông T và ông T1 nói đồng ý ký văn bản thỏa thuận cho tôi sang tên đất cao su, sau khi sang tên tôi phải chia phần đất này thành 2 phần, tôi hưởng 1/2, 1/2 còn lại chia làm 3 cho tôi, ông T và ông T1 mỗi người hưởng 1 phần, ông T1 và ông T yêu cầu như vậy tôi đồng ý bằng lời nói rồi ông T1 và ông T quay phim lại, tôi khẳng định là ông T và ông T1 đề nghị chia như vậy tôi đồng ý bằng lời nói chứ không có lập thành giấy tờ gì*”. Từ thỏa thuận trên các bên thống nhất tặng cho ông S thửa đất số 15, tờ bản đồ 31, diện tích 5.464m² và diện tích tăng thêm khi đo đạc thực tế là 341,6m² (bút lục 184-187).

Nhận thấy, việc ông T, ông T1, ông S lập “văn bản thỏa thuận phân chia di sản” của cụ D, cụ Đ nhưng cho rằng cụ D, cụ Đ chết không lập di chúc, là tước bỏ quyền của người có tài sản lập di chúc di sản cho người thừa kế; “văn bản thỏa thuận phân chia di sản” tặng cho cho ông S nhưng thực chất là sau khi ông S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ chia lại cho ông T, ông T1 mỗi người một phần. Do đó “văn bản thỏa thuận phân chia di sản” ngày 17/8/2017, do ông T, ông T1 và ông S lập trái pháp luật, không có giá trị pháp lý, vô hiệu do giả tạo.

Trên cơ sở “văn bản thỏa thuận phân chia di sản” ngày 17/8/2017, ông S tiến hành làm thủ tục thừa kế di sản đối với thửa đất số 15 nêu trên, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tiến hành đo đạc thực tế thửa đất số 15 có diện tích 5.805,6m² là tăng thêm so với diện tích cũ là 341,6m² (bút lục 114 đến 158). Xét thấy, thời điểm cụ D, cụ Đ lập di chúc thì diện tích đất thửa 15 không đo đạc

thực tế ghi diện tích 5.464m², nay qua đo đạc thực tế diện tích đất tăng thêm 341,6m² thì diện tích đất tăng thêm này vẫn là tài sản của cụ D, cụ Đ chưa di chúc cho ai. Trên cơ sở đo đạc thực tế, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK829081 (số vào sổ CS09249) ngày 29/9/2017 cho ông Đào Minh S diện tích 5.805,6m². Việc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 5.805,6m² cho ông S căn cứ trên hồ sơ kê khai chưa đúng sự thật của ông S, nên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK829081 (số vào sổ CS09249) ngày 29/9/2017 cấp cho ông S không đúng pháp luật, cần phải thu hồi.

Với tài liệu, chứng cứ trên có căn cứ xác định, ngày 13/7/2005, cụ D, cụ Đ chia thừa đất số 15, diện tích 5.464m² cho ông S và cháu T2 mỗi người diện tích 2.732m². Ông S được chia diện tích đất 2.732m² thuộc một phần thừa đất số 15 là hợp pháp; diện tích đất còn lại 2.732m² do cháu T2 chết không có người thừa kế thế vị nên diện tích đất này (2.732m²) và diện tích đất đo đạc thực tế tăng thêm 341,6m² vẫn là di sản của cụ D, cụ Đ để lại cho các thừa kế, và được phân chia thừa kế theo quy định tại Điều 660 Bộ luật Dân sự.

Quá trình tố tụng, ông T1 đồng ý tặng phần thừa kế của mình cho ông T là tự nguyện. Do đó, phần đất 2.732m² + 341,6 = 3.073,6 m² được chia cho ông T, ông T1, ông S mỗi người diện tích 1.024,53m². Như vậy, ông T được chia diện tích 1.024,53m² cộng với phần chia cho ông T1 1.024,53m², tổng cộng 2.049,06m². Ông S được chia phần đất thừa kế theo di chúc là 2.732m² cộng với phần chia theo pháp luật là 1.024,53m², tổng cộng 3.756,53m².

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã chia cho ông S diện tích 3.870,4m² là nhiều hơn phần di sản được chia theo đúng quy định của pháp luật, là đã có lợi cho ông S; việc ông T được chia ít hơn nhưng không kháng cáo nên không xem xét lại phần di sản chia cho ông T.

Từ những phân tích trên, tại cấp phúc thẩm ông S không có tài liệu, chứng cứ gì khác làm thay đổi nội dung vụ án, do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Án phí phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 48, khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đào Minh S.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2022/DS-ST ngày 05/8/2022 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương như sau:

Căn cứ các Điều 124, Điều 613, Điều 620, Điều 627, Điều 630, Điều 634, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 và Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Minh T đối với bị đơn ông Đào Minh S về việc: “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

1.1. Tuyên bố “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản” số công chứng 011270, quyền số 08TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/8/2017 tại Văn phòng Công chứng S vô hiệu do giả tạo.

1.2. Phân chia di sản thừa kế của ông Đào Văn D và bà Nguyễn Thị Đ thừa đất số 31, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK829081, vào sổ cấp GCN: CS09249 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 27/9/2017 cho ông Đào Minh S đứng tên như sau:

- Ông Đào Minh T được chia: 1.935,2m² (ký hiệu A), trong đó có 67,7m² HLATĐB, tứ cận: Đông giáp đường đất 4m, Tây giáp đường đất 4m, Nam giáp đất ông S được chia (ký hiệu B), Bắc giáp thửa đất số 16.

- Ông Đào Minh S được chia: 967,6m² (ký hiệu B), trong đó có: 33,8m² HLATĐB, tứ cận: Đông giáp đường đất 4m, Tây giáp đường đất 4m, Nam giáp đất ông S được chia (ký hiệu C), Bắc giáp phần ông T được chia (ký hiệu A).

- Ông Đào Minh S được tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất còn lại 2.902,8 m² (ký hiệu C), trong đó có: 101m² HLATĐB, tứ cận: Đông giáp đường đất 4m, Tây giáp đường đất 4m, Nam giáp thửa đất số 19, Bắc giáp phần ông S được chia (ký hiệu B).

Có sơ đồ bản vẽ kèm theo.

3. Ông Đào Minh T có trách nhiệm hoàn lại giá trị cây cao su trên diện tích đất được chia cho ông Đào Minh S tương đương số tiền là: 285.000 đồng/cây x 84 cây = 23.940.000 đồng (hai mươi ba triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK829081, vào sổ cấp GCN CS09249 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 27/9/2017 cho ông Đào Minh S đứng tên.

Đương sự được quyền liên hệ với cơ quan nhà Nước có thẩm quyền để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đào Minh T được miễn án phí.
- Ông Đào Minh S phải nộp 70.056.000 đồng (bảy mươi triệu không trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá:

Ông Đào Minh T và ông Đào Minh S mỗi người phải chịu 2.095.334 đồng (hai triệu không trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng).

Ông Đào Minh T đã tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá nên ông Đào Minh S phải hoàn lại cho ông Đào Minh T 2.095.334 đồng (hai triệu không trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng).

II. Án phí phúc thẩm: Người kháng cáo ông Đào Minh S phải chịu 300.000 đồng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0011948 ngày 12/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Thanh Tuyên Ngô Thị Bích Diệp

Nguyễn Văn Tài

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã B;
- TAND thị xã B;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính, Tư pháp;
- Lưu: HS, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tài

